

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 38/2018/HS-ST
Ngày 10-7-2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái

Ông Nguyễn Đức Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2018/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trường S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 tại xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn X, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân B và bà Trương Thị B (đã chết); vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2013/HSST ngày 25/6/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo chấp hành xong án phí và bồi thường dân sự ngày 23/8/2013, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/02/2015; tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 46/QĐ-XPHC ngày 02/5/2012, bị cáo bị Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc phạt 2.000.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, bị cáo đã nộp phạt ngày 20/6/2014; bị bắt tạm giam từ ngày 12/12/2017 đến nay, “có mặt”.

2. Vũ Công Hậu, sinh ngày 29/6/1995 tại xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H và bà Trần Thị H; vợ con: chưa có; tiền án,

tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/12/2017 đến nay, hiện đang tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

- Bị hại: Anh Trần Quang S, sinh năm 1996 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Trần Xuân D, sinh năm 1971, “có mặt”;

Đều cư trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1959; cư trú tại: Thôn X, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Anh Vũ Văn H, sinh năm 1971; cư trú tại: Thôn N, Xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Dương Thanh T, sinh năm 1983, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 10 năm 2017, Vũ Công H có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88G1- 100.83 nhãn hiệu Air Blade màu đỏ đen chở sau là anh Trần Quang S đi trên đường 310 hướng xã T, huyện B đi thị trấn H, huyện T với tốc độ khoảng 60km/h. Khi đi đến gần ngã tư giao cắt giữa đường 302 A (hai chiều) với đường 310 (một chiều) thuộc địa phận tổ dân phố T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thì phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 88S3-8760 nhãn hiệu Guangta màu xanh do Nguyễn Trường S điều khiển (S không có giấy phép lái xe theo quy định) đi từ đường 302A hướng xã H đi thị trấn G qua ngã tư giao cắt giữa đường 302A và đường 310. Lúc này H không giảm tốc độ xe, tiếp tục điều khiển xe mô tô đi ở làn đường giữa đi vào ngã tư giao cắt còn S cũng không giảm tốc độ đảm bảo an toàn và không nhường đường cho xe của H, tiếp tục điều khiển xe với tốc độ khoảng 20km/h. Khi S đi sang đến giữa làn đường giành cho xe cơ giới của chiều đường hướng xã T, huyện B đi thị trấn H, huyện T thì bánh xe phía trước bên phải xe mô tô do S điều khiển và vào bánh xe phía trước bên trái xe mô tô do H điều khiển làm xe mô tô do S điều khiển bị đổ nghiêng sang phải, S ngã ra mặt đường, xe mô tô biển kiểm soát 88G1- 100.83 do H điều khiển bị mất lái đâm vào bệ nâng phía sau bên trái xe ô tô biển kiểm soát 88A-003.06 (Xe cảnh sát giao thông Công an huyện B) đang đỗ ở sát mép tam giác cứng phía trước cách vị trí xảy ra va chạm giữa hai xe mô tô khoảng 20 mét đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát giao thông làm xe mô tô bị đổ nghiêng sang trái đè lên người H, anh S bị ngã văng ra đường bất tỉnh. Hậu quả: S bị thương tích nhẹ được đưa đi sơ cứu tại phòng khám đa khoa Quang Hà, thị trấn G, H và anh S bị thương tích được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức – Hà Nội đến khoảng 21

giờ 45 phút cùng ngày 02/10/2017 anh S tử vong; đến ngày 06/10/2017 H ra viện.

Sau khi tai nạn xảy ra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã tạm giữ phương tiện, đồ vật, tài liệu gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 88S3-8760 nhãn hiệu Guangta màu xanh, 01 xe mô tô biển kiểm soát 88G1- 100.83 nhãn hiệu AirBlade, 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Vũ Công H, 03 mảnh nhựa vỡ màu sơn xanh và 01 chắn bùn trước của xe mô tô biển kiểm soát 88S3-8760 đồng thời tổ chức tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và khám các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y số 314 trưng cầu Trung tâm giám định pháp y tỉnh Vĩnh Phúc xác định nguyên nhân tử vong của anh Trần Quang S. Tại kết luận giám định pháp y về tử thi số 224/TT ngày 04/10/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Nguyên nhân tử vong của bị hại Trần Quang S là do “sốc mất máu không hồi phục”.

Ngày 03/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã ra Quyết định số 315, 316 trưng cầu giám định mẫu máu của tử thi Trần Quang S để xác định nồng độ cồn, ma túy trong máu. Tại kết luận giám định số 1182, 1183 của Phòng PC54-Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận trong mẫu máu của tử thi S gửi đến giám định không có cồn và ma túy.

Ngày 31/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã ra Quyết định số 33 trưng cầu định giá phần thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát 88G1-100.83. Tại kết luận định giá số 03 ngày 08/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận giá trị thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát 88G1-100.83 là 3.698.000 đồng.

Ngày 07/02/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã ra Quyết định số 109 trưng cầu giám định thương tích đối với Vũ Công H. Tuy nhiên Vũ Công H có đơn xin từ chối giám định thương tích nên không có cơ sở để xử lý đối với thương tích của H.

Ngày 08/02/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88G1- 100.83 nhãn hiệu Honda AirBlade màu đỏ đen và đăng ký xe cho ông Vũ Văn H.

Ngày 02/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã ra Quyết định số 39 trưng cầu định giá phần thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát 88S3-8760. Ngày 05/3/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện B có công văn số 26 yêu cầu bổ sung hồ sơ định giá gồm giấy kê khai tài sản của người bị thiệt hại, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu và các giấy tờ liên quan. Tuy nhiên, quá trình điều tra, ông Nguyễn Xuân B (bố đẻ của bị cáo S) là chủ sở hữu chiếc xe trên không kê khai tài sản bị thiệt hại nên không có cơ sở để Hội đồng định giá tài sản huyện B định giá đối với chiếc xe trên.

Ngày 01/3/2018, ông Trần Xuân D (bố đẻ bị hại) yêu cầu Nguyễn Trường S, Vũ Công H phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại bao gồm: Chi phí đưa bị hại đi cấp cứu và mai táng phí là 94.483.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 130.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền hai bị cáo phải bồi thường là 224.483.000 đồng, kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 112.241.500 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo H và gia đình đã đến thăm hỏi và bồi thường chi phí cấp cứu cho gia đình bị hại số tiền 20.183.000 đồng. Đại diện gia đình bị hại là anh Trần Xuân D không yêu cầu H phải bồi thường số tiền còn lại và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H. Đối với Nguyễn Trường S, quá trình điều tra đồng ý bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 112.241.500 đồng nhưng do bị cáo vẫn bị tạm giam chưa có điều kiện nên chưa bồi thường được đồng nào cho phía gia đình bị hại.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS BX ngày 27/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trường S và Vũ Công H về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1, 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Trường S về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 202; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo Sơn từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù. Truy tố bị cáo Vũ Công H về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm kể từ ngày tuyên án. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Xuân D (bố của bị hại) không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh. Về bồi thường dân sự, anh D xác nhận đã nhận số tiền 20.183.000 đồng là chi phí đưa bị hại đi cấp cứu do bị cáo H bồi thường. Anh không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo H được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Đối với bị cáo S, anh đề nghị bị cáo S phải bồi thường cho gia đình anh số tiền 112.241.500 đồng. Bị cáo S đồng ý bồi thường số tiền trên cho gia đình bị hại.

Ông Vũ Văn H (bố của bị cáo H) không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và xác nhận đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đỏ đen, ông không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Ông Nguyễn Xuân B (bố của bị cáo S) không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và cũng không có ý kiến đề nghị gì đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Guangta.

Anh Dương Thanh T trình bày lại những tình tiết của vụ tai nạn giao thông mà mình được chứng kiến giống với lời khai của các bị cáo Nguyễn Trường S và Vũ Công H và cam đoan lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trường S và Vũ Công H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, cụ thể: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02/10/2017, tại ngã tư giao cắt giữa đường 310 (đường một chiều) và đường 302A (đường hai chiều) thuộc địa phận Tổ dân phố T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, Vũ Công H có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88G1- 100.83 chở sau là anh Trần Quang S theo hướng xã T, huyện B đi thị trấn H, huyện T và xe mô tô biển kiểm soát 88S3- 8760 do Nguyễn Trường S điều khiển theo hướng xã H về thị trấn G. Do cả hai xe không giảm tốc độ đảm bảo an toàn theo quy định nên phần bánh xe phía trước bên phải xe mô tô do S điều khiển đã va vào phần bánh xe phía trước bên trái xe mô tô do H điều khiển. Hậu quả: Xe mô tô do S điều khiển bị đổ nghiêng sang phải, S ngã ra đường bị thương tích nhẹ; xe mô tô do H điều khiển bị mất lái đâm vào bệ nâng phía sau bên trái xe ô tô cảnh sát giao thông biển kiểm soát 88A – 003.06 (Xe cảnh sát giao thông Công an huyện B) do anh Dương Thanh T đỗ ở sát mép tam giác cứng phía trước cách vị trí xảy ra va chạm giữa hai xe mô tô khoảng 20 mét đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát giao thông. Anh S ngồi phía sau tử vong, bị cáo H bị thương tích nhẹ.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của những người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác. Phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định nguyên nhân tử vong của bị hại. Do đó có đủ cơ sở để kết luận Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Nguyễn Trường S về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Vũ Công H về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 qui định: “1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng...của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

a) Không có giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe theo quy định..”.

[2] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo điều khiển phương tiện tham gia giao thông là nguồn nguy hiểm cao độ nhưng đã không tuân thủ những quy định về tốc độ, không chú ý quan sát gây hậu quả nghiêm trọng. Vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ quy định về tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe và vi phạm khoản 3 Điều 5 Thông tư 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định các trường hợp phải giảm tốc độ

Khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ quy định:

“Điều 12. Tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường...”

Khoản 3, Điều 5 Thông tư 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định:

“Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ:

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

...

3. Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức...”

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ và gây thiệt hại nghiêm trọng về tính mạng, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt một cách nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Xét thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Trường S là người có nhân thân xấu, bản thân đã từng bị xử phạt hành chính và phạt tù về hành vi cố ý gây thương tích. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học tự tu dưỡng, rèn luyện, nay lại tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này bị cáo điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe gây hậu quả nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo trở thành một công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Vũ Công H là người có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội với lỗi vô ý. Sau khi gây hậu quả đã tích cực thăm hỏi, động viên đồng thời tự nguyện bồi thường cho phía gia đình bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại

điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Ngoài ra, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để bị cáo có cơ hội trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo S và H đều có nghề nghiệp chính là công nhân nên xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề lái xe đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Trường S, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 112.241.500 đồng cho phía gia đình bị hại. Tuy nhiên, bị cáo chưa bồi thường được khoản tiền nào. Xét thấy thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo S và đại diện hợp pháp của bị hại là tự nguyện nên cần buộc bị cáo S phải bồi thường cho gia đình bị hại do anh Trần Xuân D là đại diện hợp pháp gồm tiền viện phí, mai táng phí và bù đắp tổn thất tinh thần, tổng cộng là: 112.241.500 đồng.

Đối với bị cáo Vũ Công H, quá trình điều tra bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường chi phí viện phí cho phía gia đình bị hại tổng số tiền 20.183.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại là anh Trần Xuân D đã nhận số tiền trên và không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường thêm về dân sự nên cần xác nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade biển kiểm soát 88G1-100.83 màu đỏ đen và 01 giấy đăng ký xe mô tô. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Vũ Văn H. Ngày 08/02/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88G1- 100.83 nhãn hiệu Honda AirBlade màu đỏ đen và đăng ký xe cho ông Vũ Văn H là hợp pháp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Guangta màu xanh số máy VLG1P52FMH-300009167, số khung VPDBCH 044PD009167 quá trình điều tra, xác định đây là tài sản của ông Nguyễn Xuân B, S tự ý lấy xe đi làm, ông B không biết nên cần trả lại ông B chiếc xe mô tô trên.

Đối với 01 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 260161008648 do Sở giao thông vận tải Vĩnh Phúc cấp ngày 17/6/2016 cần trả lại cho bị cáo Vũ Công H nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 biển kiểm soát 88S3-8760, quá trình điều tra xác định đây là biển số của xe mô tô nhãn hiệu Rooney đứng tên chủ sở hữu là anh Dương Văn M, sinh năm 1969 ở thôn B, xã H, huyện B đã bán cho anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1971 ở cùng thôn. Năm 2011, anh S đã bán lại chiếc xe mô tô trên cho cửa hàng sửa chữa xe máy Huy Vang do anh Lê Huy V, sinh năm 1970 ở xã H, B làm chủ, sau đó anh V đã bán sắt vụn cho một người không rõ lai lịch. Cơ quan điều tra Công an huyện B xác định chiếc xe trên không phải là tang vật của vụ án khác nên không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 03 mảnh nhựa vỡ màu sơn xanh và 01 chấn bùm trước của xe mô tô không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trường S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Vũ Công H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên của Cơ quan điều tra – Công an huyện B, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, lấy lời khai của bị can và những người tham gia tố tụng, kết luận điều tra, ban hành cáo trạng. Thời hạn điều tra, truy tố đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đều hợp pháp.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa về tội danh cũng như mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trường S, Vũ Công H phạm tội “Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 202; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trường S 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 12 tháng 12 năm 2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Công H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Công H cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Nguyễn Trường S phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Trần Xuân D tiền viện phí, chi phí mai táng và tiền bù đắp tổn thất tinh thần, tổng cộng: 112.241.500 đồng (Một trăm mười hai triệu hai trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xác nhận bị cáo Vũ Công H đã bồi thường thiệt hại tính mạng, tổn thất tinh thần và tài sản cho đại diện hợp pháp của bị hại là anh Trần Xuân D số tiền 20.183.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng). Anh Trần Xuân D không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì thêm về dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Vũ Công H 01 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 260161008648 do Sở giao thông vận tải Vĩnh Phúc cấp ngày 17/6/2016 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho ông Nguyễn Xuân B chiếc xe mô tô nhãn hiệu Guangta màu xanh số máy VLG1P52FMH-300009167, số khung VPDBCH - 044PD009167.

Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc biển kiểm soát 88S3-8760, 03 mảnh nhựa vờ màu sơn xanh và 01 chắn bùn trước của xe mô tô.

Các vật chứng, tài sản nêu trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 09 tháng 7 năm 2018.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí.

Buộc bị cáo Nguyễn Trường S phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.612.075 đồng (Năm triệu sáu trăm mười hai nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo Vũ Công H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Viện KSND T.Vĩnh Phúc;
- Viện KSND H.Bình Xuyên;
- CQĐT - Công an H.Bình Xuyên;
- Chi cục THADS H.Bình Xuyên;
- UBND X.Sơn Lôi, H.Bình Xuyên;
- Các Bị cáo; đại diện hợp pháp bị hại;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Anh Vũ